

Bản án số: 37/2023/HS-ST
Ngày 22/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Bắc và bà Hoàng Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2023/TLST-HS ngày 06/02/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2023/QĐXXST-HS ngày 09/3/2023, đối với bị cáo:

Vũ Thị H, sinh năm 1991 tại huyện CG, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn Phúc B, xã CP, huyện CG, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn S, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1971; có chồng là Nguyễn Anh T (đã ly hôn tháng 3/2023) và 01 con; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 02/2015/HSST ngày 27/10/2015 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 20 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, H chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2017 (theo Giấy chứng nhận số 560/GCN ngày 26/6/2017 của Trại giam Ngọc Lý- Tổng cục VIII), chưa thi hành trách nhiệm dân sự; chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Bản án số 10/2009/HSST ngày 02/4/2009 Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, được TAND huyện Thanh Miện chứng nhận xóa án tích ngày 13/12/2011.

Bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt.

*** Bị hại:**

- Anh Trần Anh T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 3/1/B3 Tập thể BM, phường PNL, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Chị Tạ Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 18 ngõ 28 khu 3, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Minh Kh, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà 15 ngõ 28 khu 3, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đinh Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 31 Phan Chu Trinh, khu 2, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn QS, xã AS, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Thế H2, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn QS, xã AS, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 4 ngõ 78 LVQ, khu 15, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Anh T, anh Kh, chị T, anh H2, chị H1 đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Lê Thị Ph, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số 4 ngõ 78 LVQ, khu 15, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

*** Người làm chứng: (đều vắng mặt)**

- Bà Trần Thị Tm, sinh năm 1949; Địa chỉ: Số 01/01 khu tập thể B3 Bình Minh, pH PNL, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 18 ngõ 28 khu 3, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu 3 phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 246 NLB, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu 1, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị H là lao động tự do, không có chức năng tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2021, H tự giới thiệu với mọi người là có khả năng làm thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và lấy tên QA, A để không bị phát hiện, sau đó yêu cầu những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nộp tiền chi phí để chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn này, H đã chiếm đoạt của 05 người với tổng số tiền là 201.000.000đồng, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng đầu năm 2020, H cùng với chồng là anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1991, trú tại thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Hải Dương đến thuê trọ tại khu tập thể B3 BM, phường PNL, thành phố Hải Dương. Trong quá trình sống ở đây, H quen biết anh Trần Anh T, sinh năm 1999, trú tại 3/1/B3 Tập thể BM, P. PNL, TP. Hải Dương, H tự giới thiệu với anh T mình tên là QA nhà ở khu Tuệ Tĩnh, TP. Hải Dương có khả năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Anh T tưởng thật nên đã đặt vấn đề nhờ H làm thủ tục cho anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. H yêu cầu anh T chuẩn bị hộ chiếu, giấy chứng minh nhân dân,

hộ khẩu, giấy khai sinh công chứng và số tiền 70.000.000đồng tiền chi phí để làm thủ tục đi làm công nhân nhà máy Samsung tại Hàn Quốc. Lúc đó anh T chưa có đủ tiền nên H bảo anh T cứ đưa trước 10.000.000đồng làm giấy tờ dịch thuật, số tiền còn lại khi sang được Hàn Quốc đi làm thì công ty sẽ trừ dần vào lương. Khoảng tháng 02/2020 anh T đã đến phòng trọ của H đưa số tiền 10.000.000đồng và các giấy tờ tùy thân như trên để H làm thủ tục cho mình. Sau khi nhận tiền và giấy tờ của anh T thì số tiền H sử dụng cá nhân hết, còn giấy tờ H để ở phòng trọ của mình không liên hệ với ai và cũng không làm thủ tục gì để cho anh T đi Hàn Quốc như hứa hẹn. Trong thời gian chờ H làm thủ tục, anh T vào thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm, đến khoảng tháng 10/2020 H liên lạc với anh T bảo chuẩn bị để đi Hàn Quốc, tưởng thật nên anh T đã về gặp H thì H lại giả vờ lấy lý do hiện đang có dịch Covid nên chưa đi được và bảo anh T tiếp tục chờ. Đến khoảng tháng 12/2020 H không chung sống với chồng nữa mà đi thuê nhà trọ tại ngõ 18 Ngọc Tuyền, P. NC, TP. Hải Dương và quan hệ ngoại tình với Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1984, trú tại 246 Nguyễn Lương Bằng, P. Thanh Bình, TP. Hải Dương.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 11/2020 chị Tạ Thị N, sinh năm 1977, trú tại: Khu 3, pH NC, thành phố Hải Dương, là người quen của anh Trần Anh T, biết anh T đang nhờ H làm thủ tục đi Hàn Quốc nên cũng muốn nhờ H làm thủ tục để đi xuất khẩu lao động. Anh T giới thiệu chị N đến gặp H. Khi gặp chị N thì H giới thiệu mình tên là QA và bảo chị N muốn đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc thì phải chi phí với số tiền 50.000.000đồng, chị N đồng ý. Khoảng 02 ngày sau, H gọi điện cho chị N bảo chuẩn bị hộ chiếu, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu bản photo để làm thủ tục và đưa trước cho H 10.000.000đồng để làm hồ sơ đặt cọc. Chị N đã đưa số tiền 10.000.000đồng và giấy tờ mà H yêu cầu cho bà Trần Thị Tâm, sinh năm 1949, trú tại: 01/01 khu tập thể B3 Bình Minh, P. PNL, TP. Hải Dương (là hàng xóm của H) nhận hộ. Sau khi nhận tiền và giấy tờ của chị N, bà Tâm đã đưa lại cho H. Sau đó từ khoảng tháng 12/2020 đến tháng 03/2021, chị N đã nhiều lần đưa tiền theo yêu cầu của H, tổng cộng là 40.000.000đồng. Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của chị N, H nói dối chị N là có thể mời thêm chồng chị N đi xuất khẩu lao động với chi phí 12.500.000đồng. Tưởng H nói thật nên chị N tiếp tục đưa cho H số tiền 12.500.000đồng cùng các giấy tờ tùy thân gồm: Giấy khai sinh, giấy căn cước công dân photo, hộ chiếu của anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1972, cùng trú tại: Khu 3, pH NC, thành phố Hải Dương (chồng chị N) để làm thủ tục đi lao động Hàn Quốc. Các giấy tờ này H để ở phòng trọ. Đến khoảng tháng 4/2021, H nói với chị N hộ chiếu của anh Việt phải làm chip thì mới đi được và yêu cầu chị N phải đưa thêm số tiền 3.000.000đồng để làm, tưởng thật nên chị N hẹn H đến nhà mình đưa tiền. Ngày hôm sau H đi cùng anh Nguyễn Hồng Th đến nhà chị N nhận thêm 3.000.000đồng. Đến khoảng tháng 6/2021, H gọi điện cho chị N giả vờ thông báo ngày 20/7/2021 chị N và anh Việt sẽ bay sang Hàn Quốc và bảo chị N đưa tiếp cho mình số tiền 10.000.000đồng để đổi sang tiền Hàn Quốc khi sang đó để chi tiêu, tưởng thật chị N lại đưa tiếp cho H thêm 10.000.000đồng. Tổng số tiền chị N đưa cho H là 75.500.000đồng, H đã tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng tháng 4/2021, bạn của chị Tạ Thị N là chị Đinh Thị T, sinh năm 1979, trú tại: Khu 2, P. NC, TP. Hải Dương biết chị N đang nhờ H làm thủ tục đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc nên đã nhờ chị N giới thiệu gặp H. Sau đó H cùng với anh Th đã gặp chị T tại nhà H, tại đây H cũng giới thiệu với chị T mình tên là QA và bảo chị T muốn đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc thì phải chi phí số tiền là 4.000USD (đô la Mỹ), nộp trước 1.000USD (tương đương 25.000.000đồng) để H làm thủ tục hồ sơ, số tiền còn lại khi nào sang được Hàn Quốc đi làm sẽ trả dần. H bảo chị T chuẩn bị bản photo giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu. Trưa ngày hôm sau, chị T gọi điện cho H để giao số tiền 20.000.000đồng thì H nhờ chị N nhận hộ, sau đó chị N đã đưa số tiền này cho H. Vài ngày sau, H điện thoại cho chị T và yêu cầu chuyển nốt số tiền 5.000.000đồng còn thiếu. Khoảng 03 ngày sau H hẹn chị T mang 5.000.000đồng ra khu vực gần nhà hàng Hương Biển, pH Quang Trung, thành phố Hải Dương đưa cho anh Th nhận hộ. Sau đó H tiếp tục gọi điện cho chị T yêu cầu đưa thêm số tiền 500USD (tương đương 12.500.000đồng) và hẹn mang ra khu vực nhà hàng Hương Biển đưa cho H nên chị T đã đưa thêm cho H số tiền 12.500.000đồng, H nói dối với chị T là thủ tục đã xong, sắp được bay và yêu cầu chị T photo giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu và đến bệnh viện để khám sức khỏe đưa cho H để làm thủ tục. Các giấy tờ này H để ở phòng trọ. Đến khoảng tháng 8/2021, H gọi điện cho chị T, nói dối là chị T sắp được đi xuất khẩu lao động và yêu cầu chị T đưa thêm 5.000.000đồng để H đổi sang tiền Hàn Quốc hộ chị T. Tưởng thật nên chị T đã mang tiếp số tiền 5.000.000đồng ra khu vực ngã tư Tam Giang, thành phố Hải Dương đưa cho anh Th nhận hộ. Để chị T tin là thật, sáng ngày 05/12/2021, H sử dụng mạng xã hội Zalo là “Bé Gấu Ha Kiêng” nhắn tin cho chị T với nội dung “*cô bay vào ngày 9/12 chuyến bay vn airline chuyến bay 1h đêm...*” đến ngày 09/12/2021, thì H lại nhắn tin cho chị T bảo hồ sơ bị trả lại không đi được. Sau đó chị T đã yêu cầu H trả lại tiền không đi xuất khẩu lao động nữa nhưng H đều khất và không trả tiền cho chị T. Tổng số tiền chiếm đoạt của chị T là 42.500.000đồng H đã tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng tháng 7/2021 bạn của chị Tạ Thị N là Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, trú tại: xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương biết được chị N đang nhờ H làm thủ tục xuất khẩu lao động Hàn Quốc nên đã xin số điện thoại và liên hệ với H để nhờ làm thủ tục cho mình. H bảo chị H muốn xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc thì phải chi phí số tiền là 1.500USD, chị H đồng ý. Ngày 23/7/2021 H đi cùng anh Th gặp chị H tại khu vực nhà hàng Hương Biển, chị H đã giao cho H số tiền 25.000.000đồng (trong đó: 24.000.000đồng tương đương 1.000USD còn 1.000.000đồng để H làm hồ sơ). Lúc này, chị H yêu cầu H viết giấy nhận tiền thì H lấy lý do tin tưởng nhau nên không cần phải viết giấy, chị H bảo H và anh Th bỏ khẩu trang ra để chụp ảnh về việc nhận tiền. Sau đó, H yêu cầu chị H cung cấp căn cước công dân, sổ hộ khẩu và nộp nốt 500USD còn lại. Ngày 05/8/2021, chị H và H hẹn nhau ở khu vực cầu Lai Khê, huyện Nam Sách, Hải Dương. Tại đây, H đi cùng anh Th. Chị H giao số tiền 14.000.000đồng (gồm 12.000.000đồng tương đương với 500USD còn 2.000.000đồng H nói là tiền dịch thuật, chi phí phát sinh)

cùng bản photo căn cước công dân, sổ hộ khẩu cho H. Vài ngày sau, H lại tiếp tục yêu cầu chị H nộp thêm số tiền 5.000.000đồng để làm visa và 5.000.000đồng để đổi tiền sang tiền Hàn Quốc, H đã nhờ anh Th nhận tiền của chị H một lần nhận 5.000.000đồng để làm visa ở khu vực huyện Nam Sách và một lần nhận 5.000.000đồng để đổi tiền Hàn Quốc tại khu vực 559 TP. Hải Dương. Sau khi nhận tiền từ anh Th, H hứa hẹn làm thủ tục cho chị H ngày 20/8/2021 sẽ bay sang Hàn Quốc. Sau khi nhận tiền, H đã chi tiêu cho bản thân hết, những giấy tờ chị H cung cấp thì H vứt đi không nộp cho ai để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động cho chị H. Tổng số tiền H chiếm đoạt của chị H là 49.000.000đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng tháng 7/2021, thông qua chị Tạ Thị N, H quen biết với chị Nguyễn Thị Huê, sinh năm 1978, trú tại: số 4/78 LVQ, P. NC, TP. Hải Dương, H nói dối tên mình là Anh, con dâu của chủ nhà hàng 123 Hải Dương, nhà ở khu vực Cầu Cát, Hải Dương và giới thiệu với chị H1 là mình có khả năng đưa người Việt Nam đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc với mức lương 30.000.000đồng/1tháng, làm lĩnh vực điện tử, chi phí để đi được xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc là 8.000USD. Tưởng thật nên chị H1 đặt vấn đề nhờ H làm thủ tục cho con gái là Lê Thị Ph đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. H đã yêu cầu chị H1 phải đưa bằng tốt nghiệp cấp 3, sổ hộ khẩu bản chính của cháu Lê Thị Ph để làm thủ tục. Khoảng vài ngày sau, H đi cùng anh Th đến nhà chị H1. Anh Th đỗ xe ở ngoài ngõ đợi, còn H vào nhà chị H1. Tại đây, chị H1 đưa cho H giấy tờ và số tiền 24.000.000đồng (tương đương 1.000 USD) và yêu cầu H viết giấy biên nhận. Tuy nhiên, H lấy lý do đã làm cho nhiều người mà không cần viết giấy biên nhận và hứa hẹn khi cháu Ph đi làm tại Hàn Quốc có lương thì H sẽ thu dần số tiền 7.000USD còn lại, trong khoảng 3 tháng sẽ đưa được cháu Ph đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, chị H1 tưởng thật, không yêu cầu H viết giấy biên nhận. Các giấy tờ này của cháu Ph thì H để ở phòng trọ. Đến khoảng tháng 9/2021, do không thấy H lo được việc cho cháu Ph nên chị H1 yêu cầu H trả lại số tiền trên nhưng không liên lạc được với H. Toàn bộ số tiền 24.000.000đồng mà chị H1 đưa H đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 04/7/2022 anh T, chị N, chị T, chị H và chị H1 có đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Dương. Vụ án được điều tra làm rõ.

Cáo trạng số 28/CT-VKSTPHD ngày 02/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân (sau viết tắt là VKSND) thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Vũ Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, VKSND thành phố Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Thị H phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị H từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam. Hình phạt bổ sung: Không. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Tạ

Thị N số tiền 67.500.000đồng, bồi thường cho chị Đinh Thị T số tiền 40.500.000đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị Huê số tiền 22.000.000đồng, bồi thường cho anh Trần Anh T số tiền 10.000.000đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 49.000.000đồng. Tổng là 189.000.000đồng.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS, khoản 3 Điều 106 BLTTHS- Trả lại cho chị Lê Thị Ph bản chính các giấy tờ gồm Bằng tốt nghiệp THPT, 01 học bạ THPT, 01 giấy khai sinh mang tên Lê Thị Ph.

- Án phí: Căn cứ Điều 135, 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 9.450.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo H thừa nhận toàn bộ nội dung hành vi đã thực hiện, công nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, VKSND thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo tính hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng. Xét thấy, bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai về các tình tiết của vụ án. Bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Việc những người này vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2021, tại địa bàn thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Vũ Thị H đã dùng thủ đoạn gian dối, tự nhận mình có khả năng làm thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc khiến cho người bị hại tin tưởng giao tiền, giấy tờ để chiếm đoạt tài sản của anh Trần Anh T 10.000.000đồng, chiếm đoạt của chị Tạ Thị N 75.500.000đồng, chiếm đoạt của chị Đinh Thị T 42.500.000đồng, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H 49.000.000đồng,

chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Huê 24.000.000đồng. Tổng cộng là 201.000.000đồng.

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không có thật, lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại để lừa đảo nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động chân chính, bị cáo đã nhiều lần cố ý thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 5 người bị hại với tổng số tiền là 201.000.000đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất bình cho người dân. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, qua đó mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo, đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã bị kết án theo bản án 02/2015/HSST ngày 27/10/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. H chấp hành xong hình phạt chính, chưa thi hành phần trách nhiệm dân sự, chưa được xóa án tích theo quy định, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp “Tái phạm” theo khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự nên bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội năm lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; khắc phục được một phần nhỏ hậu quả (bồi thường được 12.000.000đồng cho ba người bị hại). Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại”, “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, HĐXX thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị kết án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phải chấp hành án tại trại giam nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện mà liên tục thực hiện các hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường trật tự, kỷ cương pháp luật. Do đó, lần phạm tội này cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống

chung của xã hội một thời gian thích hợp để nhà nước giáo dục bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho chị Tạ Thị N 8.000.000đồng, bồi thường cho chị Đinh Thị T 2.000.000đồng và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Huê 2.000.000đồng. Nay chị N yêu cầu H trả số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 67.500.000 đồng. Chị Đinh Thị T yêu cầu H trả số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 40.500.000đồng. Chị Nguyễn Thị Huê yêu cầu H trả số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 22.000.000đồng. Anh Trần Anh T yêu cầu H trả số tiền đã chiếm đoạt là 10.000.000đồng. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu H trả số tiền đã chiếm đoạt là 49.000.000đồng.

Xét: Bị cáo H dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của những người bị hại. Những người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại, là phù hợp quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[10] Về vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án:

- Các giấy tờ bị cáo H nhận của anh Trần Anh T, chị Tạ Thị N, Đinh Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Huê, H không nộp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nào để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động cho những người này mà để tại phòng trọ của H. Ngày 05/7/2022 anh Nguyễn Anh T (chồng của H) giao nộp cho Cơ quan điều tra các giấy tờ của anh Trần Anh T, chị Tạ Thị N và chị Nguyễn Thị Huê, gồm: 01 giấy căn cước công dân, 01 giấy khai sinh mang tên Nguyễn Văn V; 01 sổ hộ khẩu gia đình, 01 học bạ THPT, 01 giấy căn cước công dân mang tên Lê Thị Ph; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy khai sinh, 01 sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần Anh T. Những tài liệu này đều là bản photo, là chứng cứ chứng minh tội phạm nên tiếp tục được lưu tại hồ sơ vụ án.

- Giấy tờ H nhận của chị Đinh Thị T và chị Nguyễn Thị H đến nay H không còn giữ, cơ quan điều tra không quản lý được, nên không đặt ra xử lý.

- Các giấy tờ H nhận từ chị Nguyễn Thị Huê gồm bản gốc bằng tốt nghiệp THPT, bản gốc 01 học bạ THPT và 01 bản gốc giấy khai sinh đều mang tên Lê Thị Ph. Ngày 06/9/2022 H giao nộp cho Cơ quan điều tra, được lưu tại hồ sơ vụ án. Chị Lê Thị Ph có đơn đề nghị được nhận lại các giấy tờ này nên cần trả lại cho chị Ph, Tòa án phê 01 bản để lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Quá trình điều tra không có căn cứ xác định anh Nguyễn Hồng Th, anh Nguyễn Anh T, bà Trần Thị Tâm biết H dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo, chiếm đoạt tiền của các bị hại, họ không được hưởng lợi từ số tiền H đã chiếm đoạt, nên không có căn cứ xử lý những người này.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án có tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm h, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 135, 136, 292, 293, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 589, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/10/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Vũ Thị H phải bồi thường cho chị Tạ Thị N 67.500.000đồng; bồi thường cho chị Đinh Thị T 40.500.000đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Huê 22.000.000đồng; bồi thường cho anh Trần Anh T 10.000.000đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 49.000.000đồng. Tổng là 189.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại chị Lê Thị Ph các tài liệu gồm: bản gốc Bằng Tốt nghiệp Trung học phổ thông của chị Lê Thị Ph; bản gốc giấy khai sinh Lê Thị Ph, bản gốc Học bạ Trung học phổ thông Lê Thị Ph (trả tại trụ sở Tòa án).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Thị H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 9.450.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/3/2023); Bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)
Trịnh Thị Ngọc Mai**

- Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự- Công an thành phố Hải Dương;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ- Công an thành phố Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.